

Số: **70/2017/QĐ-UBND**

An Giang, ngày 20 tháng 10 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về mức hỗ trợ cho cán bộ, công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan hành chính nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh An Giang**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương;*

*Căn cứ Thông tư số 172/2012/TT-BTC ngày 22 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm công tác cải cách hành chính nhà nước;*

*Căn cứ Nghị quyết số 03/2013/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh về mức hỗ trợ cán bộ, công chức làm việc tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan hành chính nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh An Giang;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định mức chi hỗ trợ đối với cán bộ, công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan hành chính nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh An Giang và nguồn kinh phí thực hiện.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của các sở, ban ngành, cơ quan tương đương thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (gọi chung là sở, ban ngành cấp tỉnh).

2. Công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện).

3. Cán bộ, công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân các xã, phường và thị trấn (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã).

### **Điều 3. Mức hỗ trợ**

Đối tượng quy định tại Điều 2 Quyết định này được hưởng mức hỗ trợ 400.000 đồng/người/tháng.

### **Điều 4. Số lượng và trang phục cho cán bộ, công chức**

Căn cứ tình hình thực tế tại cơ quan, đơn vị, địa phương, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định số lượng và mức chi mua sắm đồng phục cho cán bộ, công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nhưng không quá quy định dưới đây:

1. Số lượng cán bộ, công chức được hưởng hỗ trợ:

- a) Sở, ban, ngành cấp tỉnh: 04 người.
- b) Ủy ban nhân dân cấp huyện: 12 người.
- c) Ủy ban nhân dân cấp xã: 06 người.

2. Số lượng và mức kinh phí mua sắm đồng phục:

- a) Mỗi công chức được trang bị 02 bộ đồng phục/năm.
- b) Đồng phục nam, nữ: 1.000.000 đồng/bộ.

\* Đối với những cơ quan, đơn vị có quy định trang phục riêng của ngành thì thực hiện theo quy định của ngành.

3. Cán bộ, công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan hành chính nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh làm việc ngày thứ Bảy để tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính thì được hưởng lương làm thêm giờ theo quy định tại Thông tư liên tịch số 08/2005/TTLT-BNV-BTC ngày 05 tháng 01 năm 2005 của liên Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ đối với cán bộ, công chức, viên chức.

### **Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện**

1. Kinh phí thực hiện các nội dung tại Quyết định này do ngân sách nhà nước bảo đảm và được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành và các nguồn huy động hợp pháp khác.

2. Riêng kinh phí mua sắm đồng phục, căn cứ tình hình thực tế và khả năng kinh phí được cấp có thẩm quyền giao, các cơ quan, đơn vị, địa phương sắp xếp, bố trí trong phạm vi dự toán được giao (kinh phí thực hiện tự chủ) và các nguồn kinh phí hợp pháp khác để thực hiện bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả và đúng quy định.

**Điều 6.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2017 và thay thế Quyết định số 29/2013/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về mức hỗ trợ cán bộ, công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan hành chính nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh An Giang.

**Điều 7.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Thủ trưởng các Sở, Ban ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

***Nơi nhận:***

- Như Điều 7;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ;
- Website Chính phủ;
- Cục Kiểm tra Văn bản (Bộ Tư pháp);
- TT. TU, HĐND, UBND, UB MTTQ tỉnh;
- Website, Báo, Đài PTTH An Giang;
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: HCTC, P. KTTH, TH, TT. Công báo - Tin học.

**Lê Văn Nưng**